

Số: **4602/QĐ-UBND**

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và chi phí máy thi công
cho các công trình xây dựng sử dụng vốn Nhà nước do Ủy ban nhân dân
Thành phố Hà Nội quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về
việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng
hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ văn bản số 887/BXD-KTXD ngày 07/06/2011 của Bộ Xây dựng về
việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo mức lương tối thiểu
mới từ 01/01/2011;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 6696/SXD-QLKT ngày
19/9/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và chi phí máy thi công tại phụ lục I kèm theo Quyết định này cho các công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội quản lý để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các khối lượng của dự án, gói thầu trên địa bàn Thành phố Hà Nội thực hiện từ 01/01/2011.

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ tính chất công trình cụ thể để tính toán hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công theo hướng dẫn tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này hoặc có thể thuê đơn vị tư vấn có chức năng, năng lực để thực hiện tính toán và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của việc tính toán, sử dụng hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công theo đúng các quy định hiện hành, đảm bảo chống thất thoát, lãng phí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011 và thay thế Quyết định số 4662/QĐ-UBND ngày 22/9/2010 của UBND Thành phố Hà Nội; Giao Sở Xây dựng Hà Nội hướng dẫn việc tổ chức thực hiện Quyết định này. Các khối lượng công việc dở dang thực hiện từ ngày 01/01/2011 thực hiện theo đúng hướng dẫn tại văn bản 887/BXD-KTXD ngày 07/06/2011 của Bộ Xây dựng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc: Các sở, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, các Chủ đầu tư và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Dộc Chủ tịch UBND TP;
- Dộc PCT Nguyễn Văn Khôi;
- Bộ Xây dựng;
- VPUBTP: CVP, PVP;
- các phòng: TH, XD;
- Lưu: VT, XD.

430

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

PHỤ LỤC 1

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ NHÂN CÔNG VÀ CHI PHÍ MÁY THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4602/QĐ - UBND ngày 05/10/2011
của UBND Thành phố Hà Nội)

1. Nguyên tắc chung :

- Việc thực hiện điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công được tiến hành bằng cách nhân trực tiếp hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và máy thi công với chi phí nhân công và chi phí máy thi công trực tiếp của dự toán, cụ thể như sau:

$$NC = G_{NC} \times K_{NC}^{BC}$$

$$MTC = G_{MTC} \times K_{MTC}^{BC}$$

Trong đó :

- G_{NC} : Chi phí nhân công trong dự toán của khối lượng xây dựng cần điều chỉnh;
- K_{NC}^{BC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công tại thời điểm điều chỉnh.
- G_{MTC} : Chi phí máy thi công trong dự toán của khối lượng xây dựng cần điều chỉnh;

chính;

- K_{NC}^{BC} : Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công tại thời điểm điều chỉnh.
- Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công và chi phí máy thi công được xác định trên cơ sở các tập đơn giá xây dựng công trình Thành phố Hà Nội, Chủ đầu tư có thể tham khảo

hệ số dưới bảng 1, bảng 2, bảng 3, bảng 4.

2 - Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công:

2.1 -Bảng 1:

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh (K_{NC}^{BC})
1	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I (mức lương 1.350.000 đồng/tháng) so với chi phí nhân công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần Xây dựng, phần Lắp đặt, phần Khảo sát xây dựng) do UBND Thành phố Hà nội công bố (mức lương 450.000 đồng/tháng).	3,000
2	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II (mức lương 1.200.000 đồng/tháng) so với chi phí nhân công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần Xây dựng, phần Lắp đặt, phần Khảo sát xây dựng do UBND Thành phố Hà nội công bố (Mức lương 450.000 đồng/tháng).	2,666
3	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III (mức lương 1.050.000 đồng/tháng) so với chi phí nhân công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần Xây dựng, phần Lắp đặt, phần Khảo sát xây dựng) do UBND Thành phố Hà nội công bố (Mức lương 450.000 đồng/tháng).	2,333

www.lawsoft.vn

2.2 -Bảng 2:

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh (K_{NC}^{BC})
1	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I (mức lương 1.350.000 đồng/tháng) so với chi phí nhân công tại tập đơn giá Sửa chữa công trình xây dựng do UBND Thành phố Hà nội công bố (mức lương 980.000 đồng/tháng).	1,377
2	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II (mức lương 1.200.000 đồng/tháng) so với chi phí nhân công tại tập đơn giá Sửa chữa công trình xây dựng do UBND Thành phố Hà nội công bố (mức lương 980.000 đồng/tháng).	1,224
3	Hệ số điều chỉnh chi phí nhân công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III (mức lương 1.050.000 đồng/tháng) so với chi phí nhân công tại tập đơn giá Sửa chữa công trình xây dựng do UBND Thành phố Hà nội công bố (mức lương 980.000 đồng/tháng).	1,071

3 - Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công xây dựng công trình.

3.1- Bảng 3:

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh (K_{MTC}^{BC})
1	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I (mức lương 1.350.000 đồng/tháng) so với chi phí máy thi công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần Xây dựng, phần Lắp đặt) do UBND Thành phố Hà nội công bố(mức lương 450.000 đồng/tháng).	1,341
2	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II (mức lương 1.200.000 đồng/tháng)so với chi phí máy thi công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần Xây dựng, phần Lắp đặt) do UBND Thành phố Hà nội công bố(mức lương 450.000 đồng/tháng)..	1,282
3	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III (mức lương 1.050.000 đồng/tháng)so với chi phí máy thi công tại các tập đơn giá xây dựng công trình (Phần Xây dựng, phần Lắp đặt) do UBND Thành phố Hà nội công bố(mức lương 450.000 đồng/tháng)..	1,199

11/11/2024

3.2 - Bảng 4 :

STT	Nội dung	Hệ số điều chỉnh (K_{DC}^{BC})
1	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng I (mức lương 1.350.000 đồng/tháng) so với chi phí máy thi công tại tập đơn giá Sửa chữa công trình xây dựng do UBND Thành phố Hà Nội công bố (mức lương 980.000 đồng/tháng).	1,220
2	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng II (mức lương 1.200.000 đồng/tháng) so với chi phí máy thi công tại tập đơn giá Sửa chữa công trình xây dựng do UBND Thành phố Hà Nội công bố (mức lương 980.000 đồng/tháng).	1,130
3	Hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công đối với các công trình xây dựng trên địa bàn vùng III (mức lương 1.050.000 đồng/tháng)so với chi phí máy thi công Sửa chữa công trình xây dựng do UBND Thành phố Hà Nội công bố (Mức lương 980.000 đồng/tháng).	1,041

Ghi chú : Phạm vi vùng I, II, III theo quy định tại phụ lục của Nghị định số 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010 của Chính phủ, cụ thể như sau :

1. Vùng I: Các quận thuộc thành phố Hà Nội;
2. Vùng II : Các huyện Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn, Thanh Trì, Từ Liêm, Thường Tín, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Quốc Oai và thị xã Sơn Tây;
3. Vùng III: Các huyện còn lại của Thành phố Hà Nội.

U.K. Pham

PHỤ LỤC 2

PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH CHI PHÍ NHÂN CÔNG, MÁY THI CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4602/QĐ - UBND ngày 05/10/2011 của UBND Thành phố Hà Nội)

1- Phương pháp tính toán hệ số điều chỉnh chi phí nhân công :

Hệ số điều chỉnh nhân công được tính trên cơ sở tỉ lệ giữa mức lương tối thiểu vùng nơi thực hiện dự án, gói thầu quy định tại Nghị định 108/2010/NĐ-CP ngày 29/10/2010 của Chính phủ với mức lương tối thiểu vùng đang áp dụng để lập dự toán.

Ví dụ : $K_{NC1} = 1.350.000/450.000 = 3,00$; $K_{NC2} = 1.200.000/450.000 = 2,666$; $K_{NC3} = 1.050.000/450.000 = 2,333$.

2- Phương pháp tính toán hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công :

2.1. Phương pháp tính toán :

- Bước 1: Căn cứ vào dự toán xây dựng công trình tổng hợp các loại máy sử dụng để thi công công trình.

- Bước 2 : Lập bảng tính giá ca máy thi công theo mức lương đang áp dụng (450.000 đồng/tháng) và theo mức lương tối thiểu mới của từng máy và tổng chi phí máy thi công theo hai mức lương trên.

- Bước 3: Tính hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công của công trình bằng cách lấy tổng chi phí máy thi công theo mức lương mới chia cho tổng chi phí máy thi công theo mức lương cũ.

2.2. Bảng tính toán hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công cho công trình cụ thể:

Tên máy	Hao phí ca máy	Giá ca máy theo mức lương 450.000 (đồng/tháng)			Giá ca máy theo mức lương tối thiểu mới (đồng/tháng)			Hệ số điều chỉnh K_{MTC}^{DC}
		Lương thợ điều khiển	Giá ca máy	Thành tiền	Lương thợ điều khiển	Giá ca máy	Thành tiền	
1	2	3	4	5 = 2 x 4	6 = 3 x K_{NC}^{DC}	7 = 4 + 6 - 3	8 = 2 x 7	9 = 8/5
.....								$K_{MTC}^{DC} = \frac{G_{MTC2}}{G_{MTC1}}$
Tổng cộng				G_{MTC1}			G_{MTC2}	

Nguyễn Văn...



**Ghi chú :**

- Cột 2: Hao phí ca máy của công trình kết xuất từ bảng dự toán.
- Cột 3, 4 : Mức lương thợ điều khiển và đơn giá ca máy lấy theo bảng giá ca máy do UBND Thành phố Hà Nội công bố.
- K_{NC}^{OC} : Lấy theo hệ số điều chỉnh chi phí nhân công tại phụ lục 1.

2.3- Ví dụ tính toán hệ số điều chỉnh chi phí máy thi công cho công trình giao thông :

Tên máy	Hao phí ca máy	Giá ca máy theo mức lương 450.000 (đồng/tháng)			Giá ca máy theo mức lương 1.350.000 (đồng/tháng)			Hệ số điều chỉnh K_{MTC}^{OC}
		Lương thợ điều khiển	Giá ca máy	Thành tiền	Lương thợ điều khiển	Giá ca máy	Thành tiền	
1	2	3	4	5 = 2 x 4	6 = 3 x K_{NC}^{OC}	7 = 4 + 6 - 3	8 = 2 x 7	9 = 8/5
Máy lu 16T	2,44	67.507	706.641	1.724.204	202.521	841.655	2.053.638	$K_{MTC}^{OC} = \frac{G_{MTC}^{OC}}{G_{MTC}}$ 1,189
Máy ủi 108CV	3,1	117.346	866.521	2.686.215	352.038	1.101.213	3.413.760	
Máy rải 50-60m ³ /h	1,5	117.346	2.023.216	3.034.824	352.038	2.257.908	3.386.862	
.....								
Tổng cộng				7.445.243			8.854.261	

WUWUWU